

Bản án số: 429/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 24-5-2024

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Hoài Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Trần Thị Nga

2/ Bà Nguyễn Thị Nguyễn.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Khắc Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2024, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 55/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 170/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 165/2024/QĐST-HNGĐ ngày 25/4/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Đặng Thị Thanh T**, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Nhà không số, tổ 6, ấp 1B, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (xin vắng mặt)

- Bị đơn: Ông **Trần Xuân A**, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Nhà không số, tổ 6, ấp 1B, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn bà Đặng Thị Thanh T trình bày:

Bà bà ông Trần Xuân A chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 54, quyền số 01/2001 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 24/9/2001. Sau khi kết hôn, vợ chồng

chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm sống. Ông A thường xuyên cò bạc, không chung thủy và thường đánh và đe dọa giết bà. Tuy hiện nay vợ chồng bà vẫn sống cùng nhà nhưng không còn quan tâm lo lắng cho nhau và không còn sự tôn trọng lẫn nhau. Nay bà xác định không còn tình cảm với ông A, vợ chồng không thể hàn gắn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Trần Xuân A.

Về con chung: Bà và ông Trần Xuân A không có con chung

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ nần chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nhưng bị đơn ông Trần Xuân A vắng mặt không tham gia tố tụng tại Tòa án và cũng không có văn bản trình bày ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Đặng Thị Thanh T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Trần Xuân A vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh đã phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự, tiến hành thủ tục tổng đạt, cấp, thông báo văn bản tố tụng, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát cùng cấp nghiên cứu, thời gian mở phiên tòa, thành phần Hội đồng xét xử và nguyên tắc xét xử.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, đại diện Viện Kiểm Sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Đặng Thị Thanh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Đặng Thị Thanh T khởi kiện yêu cầu Tòa án ly hôn với ông Trần Xuân A và ông Trần Xuân A có nơi cư trú tại huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn bà Đặng Thị Thanh T vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Trần Xuân A đã được Tòa án triệu tập đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ông Trần Xuân A đã được Tòa án triệu tập đến để ghi nhận ý kiến, tiến hành thủ tục giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như việc tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng ông Trần Xuân A vẫn vắng mặt không lý do. Vì vậy, ông Trần Xuân A đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình, phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện, lời trình bày cũng như chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và tài liệu chứng cứ thu thập được để xem xét giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2] Xét về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 54, quyền số 01/2001 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 24/9/2001 thì có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Đặng Thị Thanh T và ông Trần Xuân A là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Đặng Thị Thanh T xác nhận trong thời gian chung sống do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường phát sinh mâu thuẫn. Ông A thường xuyên cò bạc, không chung thủy và thường đánh và đe dọa giết bà.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông Trần Xuân A đến Tòa làm việc nhưng ông A từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đều vắng mặt không có lý do. Xét thấy Tòa án đã nhiều lần tổng đạt giấy triệu tập nhưng ông A vẫn vắng mặt không có lý do chứng tỏ ông A cũng không còn quan tâm hàn gắn mối quan hệ vợ chồng với bà T. Xét, Bà T khai vợ chồng tuy vẫn còn ở chung nhà nhưng không còn quan tâm lo lắng cho nhau và không còn sự tôn trọng lẫn nhau là có cơ sở nên căn cứ vào Điều 56 và Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đặng Thị Thanh T.

[2.3] Về con chung: Bà Đặng Thị Thanh T khai không có nên Tòa án không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Đặng Thị Thanh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Từ những phân tích và nhận định trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị Thanh T là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

[4] Về án phí: Bà Đặng Thị Thanh T phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 6; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2014.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thị Thanh T được ly hôn với ông Trần Xuân A. Giấy chứng nhận kết hôn số 54, quyền số 01/2001 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 24/9/2001 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Bà Đặng Thị Thanh T và ông Trần Xuân A không có con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Đặng Thị Thanh T chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0033029 ngày 08/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Đặng Thị Thanh T đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Đặng Thị Thanh T và ông Trần Xuân A vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo luật định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh
- VKSND huyện Bình Chánh;
- Chi cục THADS huyện Bình Chánh;
- UBND xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh;
- Đường sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đinh Thị Hoài Thu

